



diàn zuàn

电钻

noun · electric drill

Example Sentences

tā yòng xīn mǎi de diàn zuàn zài qiáng shàng dǎ le yí gè dòng
他用新买的电钻在墙上打了一个洞。

He used the newly bought electric drill to make a hole in the wall.

zhuāng xiū gōng rén ná zhe diàn zuàn shēng yīn hěn dà
装修工人拿着电钻，声音很大。

The renovation worker held an electric drill, and the noise was very loud.

Trace each character, then write the word on your own.

电	电	电	电	电	电	电	电				
钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻	钻
钻	钻										